

UBND XÃ QUỶ NHẤT
TRƯỜNG TIỂU HỌC NGHĨA LỢI
Số: 107/BC-THNL

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Quỹ Nhất, ngày 30 tháng 9 năm 2025

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM HỌC 2025-2026

(Thời điểm báo cáo: 30/9/2025 -Thực hiện theo Thông tư 09/2024/TT-BGDĐT)

I. Thông tin chung

1. **Tên cơ sở giáo dục:** Trường Tiểu học Nghĩa Lợi

2. **Trụ sở chính:** Xóm 6, xã Quỹ Nhất, tỉnh Ninh Bình

Địa chỉ hoạt động khác: Không

Số điện thoại: 0985811278

Địa chỉ thư điện tử: tieuhocnghialoi@gmail.com

Cổng thông tin điện tử: <https://thnghialoi.ninhbinh.edu.vn/>

3. **Loại hình cơ sở giáo dục:** Công lập

Cơ quan quản lý trực tiếp: UBND xã Quỹ Nhất

4. **Sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu của trường**

a. **Sứ mạng**

Trường Tiểu học Nghĩa Lợi: cam kết tạo ra một môi trường học tập tích cực, nơi mỗi học sinh được tôn trọng, an toàn và yêu thương. Chúng tôi hướng đến việc phát triển toàn diện các em học sinh, không chỉ về kiến thức mà còn về kỹ năng sống và phẩm chất nhân cách, thông qua sự hợp tác chặt chẽ giữa nhà trường, gia đình và cộng đồng.

b. **Tầm nhìn**

Trở thành ngôi trường tiểu học hàng đầu trong việc xây dựng một môi trường học tập hạnh phúc, nơi mọi thành viên trong cộng đồng trường học cảm thấy được tôn trọng, an toàn và yêu thương. Chúng tôi hướng đến việc phát triển học sinh thành những công dân toàn cầu có phẩm chất tốt, kỹ năng vượt trội và lòng nhân ái.

c. **Mục tiêu**

+ **Tôn trọng:**

- Xây dựng và duy trì một văn hóa tôn trọng lẫn nhau trong mọi hoạt động của trường, từ học sinh, giáo viên đến phụ huynh và cộng đồng.

- Đảm bảo rằng mọi ý kiến, nhu cầu và cảm xúc của học sinh và nhân viên đều được lắng nghe và phản hồi tích cực.

+ **An toàn:**

- Đảm bảo môi trường học tập an toàn về cả thể chất lẫn tinh thần, phòng ngừa và xử lý kịp thời các vấn đề liên quan đến bạo lực học đường và sự xâm phạm quyền lợi của học sinh.

- Thực hiện các biện pháp phòng ngừa và an ninh nhằm bảo vệ học sinh khỏi mọi nguy cơ bên ngoài và bên trong nhà trường.

+ Yêu thương:

- Xây dựng môi trường học tập thân thiện, nơi mỗi học sinh cảm thấy được yêu thương và quan tâm, khuyến khích sự phát triển toàn diện của các em.

- Tổ chức các hoạt động giáo dục và hỗ trợ để củng cố tình bạn, sự đồng cảm và sự đoàn kết trong cộng đồng học đường.

5. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của cơ sở giáo dục.

5.1. Quá trình hình thành

Trường Tiểu học Nghĩa Lợi, tiền thân là trường cấp I Sào Nam được thành lập từ năm 1956. Qua 68 năm xây dựng và trưởng thành, trường Tiểu học Nghĩa Lợi từng bước có sự phát triển cả về quy mô trường lớp và chất lượng giáo dục, trở thành một địa chỉ giáo dục có uy tín được phụ huynh và nhân dân tin cậy. Đến nay trường đã có cơ sở vật chất khá khang trang gồm 2 dãy nhà cao tầng với 15 phòng học và các phòng chức năng, một phòng thư viện kiên cố đáp ứng khá tốt điều kiện dạy - học và các hoạt động giáo dục của giáo viên, học sinh. Năm 2014 trường được tặng thưởng Huân chương Lao động hạng Ba. Năm 2025 trường được công nhận trường chuẩn Quốc gia mức độ II, chuẩn Xanh – Sạch – Đẹp – An Toàn, Thư viện đạt chuẩn. Năm 2024 -2025 Bộ GD & ĐT tặng Bằng Khen.

5.2 Quá trình phát triển

Trong những năm vừa qua, nhà trường đang từng bước phát triển bền vững, đã đang và sẽ trở thành một nhà trường có chất lượng giáo dục tốt, một địa chỉ tin cậy của nhân dân trên địa bàn xã Nghĩa Lợi (cũ) và các vùng lân cận. Trường liên tục đạt danh hiệu: “Tập thể lao động tiên tiến” và “Tập thể lao động xuất sắc” được tặng nhiều bằng khen, giấy khen các cấp. Với mục tiêu tiếp tục củng cố vững chắc tiêu chuẩn trường đạt chuẩn Quốc gia, nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện, trường Tiểu học Nghĩa Lợi phấn đấu tiếp tục là một địa chỉ tin cậy của phụ huynh học sinh cũng như nhân dân trên địa bàn xã, tiếp tục duy trì và nâng cao các tiêu chuẩn của trường chuẩn Quốc gia mức độ 2.

6. Thông tin người đại diện pháp luật hoặc người phát ngôn

- Họ và tên: Đỗ Hồng Duy
- Chức vụ: Hiệu trưởng
- Địa chỉ nơi làm việc: Trường tiểu học Nghĩa Lợi - Xóm 6, xã Quỹ Nhất, tỉnh Ninh Bình
- Số điện thoại: 0985811278
- Địa chỉ thư điện tử: dohongduy1974rd@gmail.com

7. Tổ chức bộ máy

7.1 Quyết định thành lập, cho phép thành lập, sáp nhập, chia, tách, cho phép hoạt động giáo dục, đình chỉ hoạt động giáo dục của cơ sở giáo dục hoặc phân hiệu của cơ sở giáo dục (nếu có);

- Căn cứ Quyết định số 2227/QĐ-UBND ngày 30/6/2025 của UBND tỉnh Nam Định về việc chuyển nguyên trạng các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc UBND các huyện, thành phố về UBND cấp xã quản lý;

- Căn cứ Quyết định số 25/ QĐ-UBND ngày 15 tháng 7 năm 2025 của UBND xã Quỹ Nhất về việc thay đổi tên đối với các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc UBND xã Quỹ Nhất quản lý.

7.2 Quyết định công nhận hội đồng trường, chủ tịch hội đồng trường và danh sách thành viên hội đồng trường;

Hội đồng trường Tiểu học Nghĩa Lợi được kiện toàn theo quyết định số 4796/QĐ-UBND ngày 06 tháng 11 năm 2024 của Ủy ban nhân dân huyện Nghĩa Hưng gồm 11 thành viên. Đồng chí Đỗ Hồng Duy - Bí thư chi bộ, Hiệu trưởng là chủ tịch Hội đồng, đồng chí Hoàng Thị Lan – Phó bí thư chi bộ, phó Hiệu trưởng nhà trường là phó chủ tịch hội đồng, đồng chí Phạm Thị Thắm – Kế toán là thư kí Hội đồng.

- Danh sách thành viên Hội đồng trường

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Trình độ chuyên môn	Chức vụ hiện tại	Chức vụ Hội đồng trường
1	Đỗ Hồng Duy	14/10/1974	Thạc sĩ	Bí thư chi bộ - Hiệu trưởng	Chủ tịch
2	Hoàng Thị Lan	14/04/1977	Đại học	Phó Hiệu trưởng	Phó chủ tịch
3	Mai Thị Thanh Bình	23/11/1988	Đại học	Chi ủy viên	Thành viên
4	Hoàng Thị Thục	16/6/1977	Đại học	Chủ tịch công đoàn	Thành viên
5	Hoàng Thị Trâm	23/5/1976	Đại học	Tổ trưởng CM	Thành viên
6	Phạm Thị Thanh Tâm	28/06/1991	Đại học	Tổ trưởng CM	Thành viên
7	Đinh Thị Thu Hiền	01/12/1972	Đại học	Giáo viên	Thành viên
8	Đỗ Thị Liên	20/12/1986	Đại học	Giáo viên	Thành viên
9	Phạm Thị Thắm	08/10/1983	Cao đẳng	Kế toán	Thư kí
10	Nguyễn Văn Tuấn	30/03/1982	Đại học	Đại diện	Thành

				Chính quyền	viên
11	Vũ Văn Ánh	19/08/1978		Phụ huynh học sinh	Thành viên

7.3. Quyết định điều động, bổ nhiệm, công nhận hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, giám đốc, phó giám đốc hoặc thủ trưởng, phó thủ trưởng cơ sở giáo dục;

- Hiệu trưởng: Đỗ Hồng Duy

+ Ngày tháng năm sinh: 14/10/1974

+ Bổ nhiệm chức vụ Hiệu trưởng trường Tiểu học Nghĩa Lợi tại Quyết định số 1045/QĐ-UBND ngày 26/8/2025 của UBND xã Quỹ Nhất về việc bổ nhiệm viên chức giữ chức vụ lãnh đạo quản lý các đơn vị sự nghiệp công lập sau khi thực hiện mô hình chính quyền địa phương 02 cấp.

- Phó Hiệu trưởng: Hoàng Thị Lan

+ Ngày tháng năm sinh: 14/04/1977

+ Bổ nhiệm chức vụ Phó Hiệu trưởng trường Tiểu học Nghĩa Lợi tại Quyết định số 1044/QĐ-UBND ngày 26/8/2025 của UBND xã Quỹ Nhất về việc bổ nhiệm viên chức giữ chức vụ lãnh đạo quản lý các đơn vị sự nghiệp công lập sau khi thực hiện mô hình chính quyền địa phương 02 cấp;

7.4 Quy chế tổ chức và hoạt động của cơ sở giáo dục; chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ sở giáo dục và của các đơn vị thuộc, trực thuộc, thành viên (nếu có); sơ đồ tổ chức bộ máy của cơ sở giáo dục;

Trường Tiểu học Nghĩa Lợi thực hiện theo Luật giáo dục năm 2019 và Thông tư 28/2020/TT-BGDĐT ngày 04 tháng 9 năm 2020 của Bộ GDĐT ban hành Điều lệ trường Tiểu học.

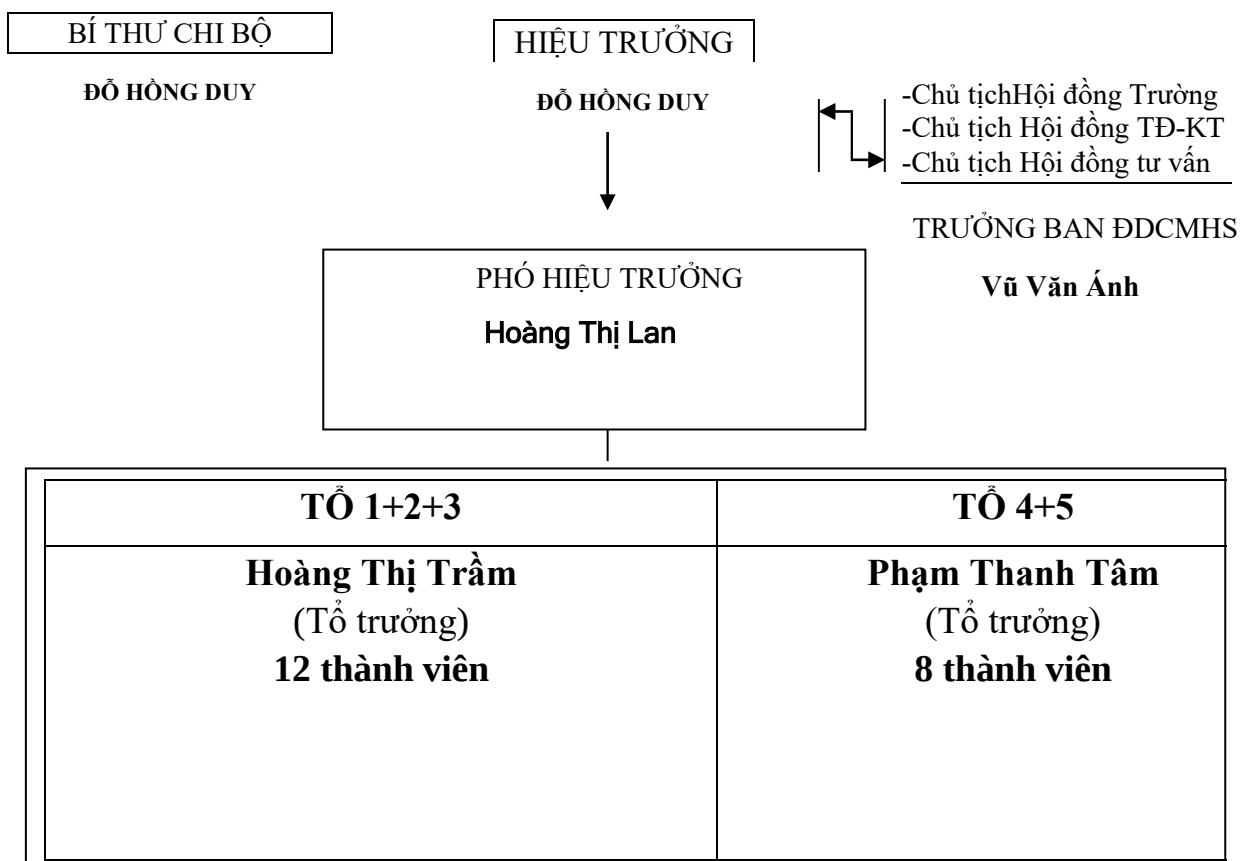
Quy chế tổ chức và hoạt động của cơ sở giáo dục: Nhà trường có cơ cấu tổ chức bộ máy theo quy định Điều lệ trường Tiểu học như sau: Hội đồng trường bao gồm: Hiệu trưởng và Phó Hiệu trưởng, Hội đồng thi đua khen thưởng, Hội đồng kỷ luật, Hội đồng tư vấn, tổ chức Đảng cộng sản Việt Nam, tổ chức Đoàn TNCS Hồ Chí Minh, tổ chức Đội thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh, các tổ chuyên môn, tổ văn phòng, lớp học thực hiện tốt các nhiệm vụ giáo dục, tất cả các Hội đồng đều hoạt động theo đúng chức năng, nhiệm vụ trong các hoạt động giáo dục của đơn vị.

Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ sở giáo dục.

- Công khai mục tiêu, chương trình, kế hoạch giáo dục, điều kiện bảo đảm chất lượng giáo dục, kết quả đánh giá và kiểm định chất lượng giáo dục; tổ chức giảng dạy, học tập và hoạt động giáo dục đạt chất lượng đáp ứng mục tiêu, yêu cầu cần đạt theo chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.
- Thực hiện giáo dục bắt buộc, phổ cập giáo dục và xóa mù chữ tại địa bàn.

- Huy động trẻ em đi học đúng độ tuổi, vận động và tạo điều kiện cho trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt đến trường. Nhận bảo trợ và quản lý các hoạt động giáo dục của cơ sở giáo dục khác thực hiện chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học theo sự phân công của cấp có thẩm quyền.
- Xây dựng chiến lược và kế hoạch phát triển nhà trường theo các quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, gắn với điều kiện kinh tế - xã hội của địa phương; xây dựng kế hoạch hoạt động giáo dục đáp ứng mục tiêu, yêu cầu cần đạt theo chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học.
- Triển khai thực hiện chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành; thực hiện lựa chọn sách giáo khoa theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo; triển khai thực hiện sách giáo khoa và nội dung giáo dục của địa phương theo quyết định của ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi chung là ủy ban nhân dân cấp tỉnh); thực hiện tự chủ chuyên môn trong tổ chức các hoạt động giáo dục tại trường tiểu học.
- Thực hiện tự kiểm định chất lượng và đảm bảo chất lượng giáo dục theo quy định.
- Quản lý cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh.
- Quản lý và sử dụng đất, tài chính và tài sản của nhà trường theo quy định của pháp luật.

Sơ đồ tổ chức bộ máy trường tiểu học xã Nghĩa Lợi



8. Các văn bản liên quan của trường tiểu học Nghĩa Lợi:

Nhà trường đã triển khai, xây dựng và thực hiện đầy đủ các văn bản theo quy định: Chiến lược phát triển của cơ sở giáo dục; quy chế dân chủ ở cơ sở của cơ sở giáo dục; các nghị quyết của hội đồng trường; quy định về quản lý hành chính; quy chế quản lý sử dụng tài sản công; quy chế chi tiêu nội bộ; kế hoạch bồi dưỡng thường xuyên; quy chế chuyên môn; quy tắc ứng xử.

II. Thông tin về đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý, nhân viên

1. Số lượng CBQL, giáo viên, nhân viên theo vị trí việc làm và trình độ đào tạo.

STT	Nội dung	Tổng số	Trình độ đào tạo						Hạng chức danh			Chuẩn nghề nghiệp			
			TS	ThS	ĐH	CĐ	TC	Dưới TC	Hạng IV	Hạng III	Hạng II	Tốt	Khá	Đạt	Chưa đạt
	Tổng số giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên	24		1	21	1	1		0	18	4	7	15	0	0
I	Giáo viên														
	Trong đó số giáo viên chuyên biệt:	14			14		0		0	13	1	14	0	0	0
1	Tiếng dân tộc														
2	Ngoại ngữ	2			2					2		2	0	0	0
3	Tin học	1			1					1		1	0	0	0
4	Âm nhạc	1			1						1	1	0	0	0
5	Mĩ thuật	1			1					1		1	0	0	0
6	Thể dục	1			1						1	1	0	0	0
II	Cán bộ											2	0	0	0

	vệ														
10	Nhân viên phục vụ(HĐ)														

2. Số lượng, tỉ lệ CBQL, giáo viên hoàn thành Bồi dưỡng hàng năm theo quy định Hoàn thành Bồi dưỡng thường xuyên: 24/24 đạt 100%

III. Thông tin về cơ sở vật chất, tài liệu học tập sử dụng chung

1. Cơ sở vật chất

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	Số phòng học/số lớp	14/14	1 phòng/lớp
II	Loại phòng học		-
1	Phòng học kiên cố	14	-
2	Phòng học bán kiên cố		-
3	Phòng học tạm		-
4	Phòng học nhờ, mượn		-
III	Số điểm trường lẻ	0	-
IV	Tổng diện tích đất (m²)	8073	16 m ² /học sinh
V	Diện tích sân chơi, bãi tập (m²)	4.950	10 m ² /HS
VI	Tổng diện tích các phòng		
1	Diện tích phòng học (m ²)	720	48 m ² /phòng
2	Diện tích thư viện (m ²)	90	
3	Diện tích phòng giáo dục thể chất hoặc nhà đa năng (m ²)	450m ²	
4	Diện tích phòng giáo dục nghệ thuật (m ²)	60	
5	Diện tích phòng ngoại ngữ (m ²)	60	
6	Diện tích phòng học tin học (m ²)	60	
7	Diện tích phòng thiết bị giáo dục (m ²)	45	
8	Diện tích phòng hỗ trợ giáo dục học sinh khuyết tật học hòa nhập (m ²)	30	
9	Diện tích phòng truyền thống và hoạt động Đội (m ²)	90	
VII	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)		Số bộ/lớp
1	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu hiện có theo quy định		
1.1	Khối lớp 1	96	32
1.2	Khối lớp 2	85	28
1.3	Khối lớp 3	93	31
1.4	Khối lớp 4	92	46

1.5	Khối lớp 5	98	49
2	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu còn thiếu so với quy định		
2.1	Khối lớp 1	0	
2.2	Khối lớp 2	0	
2.3	Khối lớp 3	0	
2.4	Khối lớp 4	0	
2.5	Khối lớp 5	0	
VIII	Tổng số máy vi tính đang được sử dụng phục vụ học tập (Đơn vị tính: bộ)	13	1 bộ/lớp
IX	Tổng số thiết bị dùng chung khác		Số thiết bị/lớp
1	Ti vi	20	1TV/lớp
2	Cát xét	1	
3	Đầu Video/đầu đĩa	1	
4	Máy chiếu OverHead/projector/vật thể	1	
5	Thiết bị khác (loa di động)	3	
6			

	Nội dung	Số lượng(m ²)
X	Nhà bếp	
XI	Nhà ăn	

	Nội dung	Số lượng phòng, tổng diện tích (m ²)	Số chỗ	Diện tích bình quân/chỗ
XII	Phòng nghỉ cho học sinh bán trú			
XIII	Khu nội trú			

XIV	Nhà vệ sinh	Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh		Số m ² /học sinh	
			Chung	Nam/Nữ	Chung	Nam/Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh*	x		x		
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*					

(*Theo Thông tư 28/2020/TT-BGDĐT áp dụng từ ngày 20/10/2020 ban hành điều lệ trường tiểu học của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Thông tư số 27/2011/TT-BYT ngày 24/6/2011 của Bộ Y tế ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nhà tiêu- điều kiện bảo đảm hợp vệ sinh).

		Có	Không
XV	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	x	
XVI	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)	x	

XVII	Kết nối internet	x	
XVIII	Trang thông tin điện tử (website) của trường	x	
XIX	Tường rào xây	x	

*** Sách giáo khoa:**

1. DANH MỤC SÁCH GIÁO KHOA LỚP 1 SỬ DỤNG NĂM HỌC 2025-2026

T T	Tên sách theo môn học	Tác giả	Nhà xuất bản	Thuộc bộ sách
1	Tiếng Viết 1	Tập 1: Nguyễn Minh Thuyết (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên), Hoàng Hòa Bình, Nguyễn Thị Ly Kha, Lê Hữu Tĩnh. Tập 2: Nguyễn Minh Thuyết (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên), Hoàng Thị Minh Hương, Trần Mạnh Hưởng, Đặng Kim Nga.	Nhà Xuất bản Đại học Sư phạm TP HCM	Cánh điều
2	Toán 1	Tập 1: Trần Diên Hiền (Chủ biên), Nguyễn Đình Khuê, Đào Thái Lai, Nguyễn Thúy Vân. Tập 1: Trần Diên Hiền (Chủ biên), Nguyễn Đình Khuê, Đào Thái Lai, Nguyễn Thúy Vân.	Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam	Vì sự bình đẳng và dân chủ trong giáo dục
3	Đạo đức 1	Lưu Thu Thủy ((Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên), Nguyễn Thị Việt Hà, Ngô Vũ Thu Hằng, Nguyễn Thị Vân Hương, Trần Thị Tố Oanh.	Nhà Xuất bản Đại học Sư phạm TP HCM	Cánh điều
4	Tự nhiên và Xã hội 1	Mai Sỹ Tuấn (Tổng Chủ biên), Bùi Phương Nga (Chủ biên) Nguyễn Tuyết Nga, Lương Việt Thái, Nguyễn Thị Thu Trang.	Nhà Xuất bản Đại học Sư phạm	Cánh điều
5	Giáo dục Thể chất 1	Hồ Đắc Sơn (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên), Nguyễn Thị Hà, Nguyễn Thành Trung, Nguyễn Duy Tuyền.	Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam	Cùng học để phát triển năng lực

6	Âm nhạc 1	Đỗ Thị Minh Chính (Tổng Chủ biên), Nguyễn Thị Thanh Bình (Chủ biên), Mai Linh Chi, Nguyễn Thị Phương Mai, Nguyễn Thị Nga, Đặng Khánh Nhật, Trần Thị Kim Thắng, Nguyễn Thị Thanh Vân	Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam	Cùng học để phát triển năng lực
7	Mĩ thuật 1	Nguyễn Tuấn Cường, Nguyễn Thị Nhung (đồng Chủ biên), Lương Thanh Khiết, Trần Thị Hương Ly, Hà Thị Quỳnh Nga, Phạm Văn Thuận, Nguyễn Thị Tuệ Thư.	Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam	Vì sự bình đẳng và dân chủ trong giáo dục
8	Hoạt động trải nghiệm 1	Nguyễn Dục Quang (Tổng chủ biên kiêm Chủ biên); Nguyễn Thị Thu Hằng; Phạm Quang Tiệp; Ngô Quang Quế.	Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam	Cánh điều
9	Tiếng Anh 1	Nguyễn Ngọc Quyên (Chủ biên), Đặng Đỗ Thiên Thanh, Lê Thị Tuyết Minh, Nguyễn Dương Hoài Thương, Huỳnh Tuyết Mai, Nguyễn Thụy Uyên Sa, Nguyễn Hoàng Thiên Ý	Nhà Xuất bản ĐHSP TP HCM	

(Danh mục gồm 09 sách giáo khoa)

2. DANH MỤC SÁCH GIÁO KHOA LỚP 2 SỬ DỤNG NĂM HỌC 2025-2026

TT	Tên sách	Tên tác giả	NXB	Bộ sách
1	Tiếng Việt 2	Tập 1: Bùi Mạnh Hùng (Tổng Chủ biên), Bùi Mạnh Hùng -Trần Thị Hiền Lương (Đồng Chủ biên), Đỗ Hồng Dương, Vũ Thị Thanh Hương, Vũ Thị Lan, Nguyễn Thị Ngọc Minh, Trần Kim Phượng. Tập 2: Bùi Mạnh Hùng (Tổng Chủ biên), Bùi Mạnh Hùng -Trần Thị Hiền Lương (Đồng Chủ biên), Lê Thị lan Anh, Trịnh Cẩm Lan, Chu Thị Phương, Đặng Thị hảo	NXB GD Việt Nam	Kết nối tri thức với cuộc sống

TT	Tên sách	Tên tác giả	NXB	Bộ sách
		Tâm.		
2	Toán 2	Tập 1: Hà Huy Khoái (Tổng Chủ biên), Lê Anh Vinh (Chủ biên), Nguyễn Áng, Vũ Văn Dương, Nguyễn Minh Hải, Hoàng Quế Hường, Bùi Bá Mạnh. Tập 2: Hà Huy Khoái (Tổng Chủ biên), Lê Anh Vinh (Chủ biên), Nguyễn Áng, Vũ Văn Dương, Nguyễn Minh Hải, Hoàng Quế Hường, Bùi Bá Mạnh.	NXB GD Việt Nam	Kết nối tri thức với cuộc sống
3	Đạo đức 2	Nguyễn Thị Toan (Tổng Chủ biên), Trần Thành Nam (Chủ biên), Nguyễn Thị Hoàng Anh, Nguyễn Ngọc Dung, Lê Thị Tuyết Mai.	NXB GD Việt Nam	Kết nối tri thức với cuộc sống
5	Tự nhiên và xã hội 2	Vũ Văn Hùng (Tổng Chủ biên), Nguyễn Thị Thán (Chủ biên), Đào Thị Hồng, Phương Hà Lan, Phạm Việt Quỳnh, Hoàng Quý Tĩnh	NXB GD Việt Nam	Kết nối tri thức với cuộc sống
8	Giáo dục Thể chất 2	Nguyễn Duy Quyết (Tổng Chủ biên), Hồ Đắc Sơn (Đồng Tổng Chủ biên), Lê Anh Thơ (Chủ biên), Nguyễn Thị Hà, Đỗ Mạnh Hưng, Vũ Văn Thịnh, Vũ Thị Hồng Thu, Vũ Thị Thư, Nguyễn Thành Trung, Nguyễn Duy Tuyền, Phạm Mai Vương.	NXB GD Việt Nam	Kết nối tri thức với cuộc sống
9	Âm nhạc 2	Hoàng Long, Đỗ Thị Minh Chính (Tổng Chủ biên kiêm chủ biên), Nguyễn Thị Thanh Bình Mai Linh Chi, Nguyễn Thị Phương Mai, Nguyễn Thị Nga, Đặng Khánh Nhật, Trần Thị Kim Thăng, Nguyễn Thị Thanh Vân.	NXB GD Việt Nam	Kết nối tri thức với cuộc sống

TT	Tên sách	Tên tác giả	NXB	Bộ sách
10	Mĩ thuật 2	Nguyễn Thị Nhung, Nguyễn Xuân Tiên (đồng Tổng Chủ biên); Nguyễn Tuấn Cường, Hoàng Minh Phúc (đồng Chủ biên); Lương Thanh Khiết, Vũ Đức Long, Nguyễn Ánh Phương Nam, Lâm Yến Như, Phạm Văn Thuận, Đàm Thị Hải Uyên, Trần Thị Vân.	NXB GD Việt Nam	Chân trời sáng tạo
11	Hoạt động trải nghiệm 2	Lưu Thu Thủy (Tổng Chủ biên), Bùi Sỹ Tụng (đồng Tổng Chủ biên), Nguyễn Thụy Anh, Nguyễn Thanh Bình (đồng Chủ biên), Vũ Thị Lan Anh- Nguyễn Thị Thanh Bình, Bùi Thị Hương Liên, Lê Thị Luận, Trần Thị Tổ Oanh, Trần Thị Thu.	NXB GD Việt Nam	Kết nối tri thức với cuộc sống

(Danh mục gồm 11 sách giáo khoa)

3.DANH MỤC SÁCH GIÁO KHOA LỚP 3 SỬ DỤNG NĂM HỌC 2025-2026

TT	Tên sách (theo QĐ 438/QĐ-BGDDT ngày 28/01/2022)	Tên tác giả	Nhà xuất bản	Thuộc bộ sách
1.	Tiếng Việt 3	Tập 1: Bùi Mạnh Hùng (Tổng Chủ biên), Trần Thị Hiền Lương (Chủ biên), Đỗ Hồng Dương, Nguyễn Thị Kim Oanh, Trần Kim Phụng. Tập 2: Bùi Mạnh Hùng (Tổng Chủ biên), Trần Thị Hiền Lương (Chủ biên), Lê Thị Lan Anh, Nguyễn Lê Hằng, Vũ Thị Lan, Đặng Thị Hào Tâm.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	Kết nối tri thức với cuộc sống
2.	Toán 3	Hà Huy Khoái (Tổng Chủ biên), Lê Anh Vinh (Chủ biên), Nguyễn Áng, Vũ Văn Dương, Nguyễn Minh Hải, Hoàng Quế Hường, Bùi Bá Mạnh.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	Kết nối tri thức với cuộc sống
3.	Đạo đức 3	Nguyễn Thị Toan (Tổng Chủ biên), Trần Thành Nam (Chủ biên), Nguyễn Thị Hoàng Anh, Nguyễn Ngọc Dung, Nguyễn Thị Việt	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	Kết nối tri thức với cuộc sống

		Hà.		
4.	Tự nhiên và Xã hội 3	Vũ Văn Hùng (Tổng Chủ biên), Nguyễn Thị Thấn (Chủ biên), Phan Thanh Hà, Đào Thị Hồng, Nguyễn Hồng Liên, Nguyễn Thị Thanh Thủy.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	Kết nối tri thức với cuộc sống
5.	Tin học 3	Nguyễn Chí Công (Tổng Chủ biên), Hoàng Thị Mai (Chủ biên), Phan Anh, Nguyễn Thu Hiền, Nguyễn Bá Tuấn, Hà Đặng Cao Tùng, Đặng Bích Việt.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	Kết nối tri thức với cuộc sống
6.	Công nghệ 3	Lê Huy Hoàng (Tổng Chủ biên), Đặng Văn Nghĩa (Chủ biên), Dương Giáng Thiên Hương, Lê Xuân Quang, Nguyễn Bích Thảo, Vũ Thị Ngọc Thúy, Nguyễn Thanh Trinh.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	Kết nối tri thức với cuộc sống
7.	Giáo dục Thể chất 3	Nguyễn Duy Quyết (Tổng Chủ biên), Nguyễn Hồng Dương (Chủ biên), Đỗ Mạnh Hưng, Vũ Văn Thịnh, Vũ Thị Hồng Thu, Vũ Thị Thư, Phạm Mai Vương.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	Kết nối tri thức với cuộc sống
8.	Âm nhạc 3	Hoàng Long, Đỗ Thị Minh Chính (đồng Tổng Chủ biên), Nguyễn Thị Thanh Bình (Chủ biên), Mai Linh Chi, Nguyễn Thị Nga, Đặng Khánh Nhật.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	Kết nối tri thức với cuộc sống
9.	Mĩ thuật 3	Nguyễn Xuân Nghị (Tổng Chủ biên), Trần Thị Biển, Đoàn Thị Mỹ Hương (đồng Chủ biên), Phạm Duy Anh, Bạch Ngọc Diệp, Trần Thị Thu Trang.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	Kết nối tri thức với cuộc sống
10.	Hoạt động trải nghiệm 3	Lưu Thu Thủy (Tổng Chủ biên), Nguyễn Thụy Anh (Chủ biên), Nguyễn Thị Thanh Bình, Bùi Thị Hương Liên, Trần Thị Tố Oanh.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	Kết nối tri thức với cuộc sống
11.	Tiếng Anh 3 (Global Success)	Hoàng Văn Vân (Tổng Chủ biên), Phan Hà (Chủ biên), Nguyễn Thị Hải Hà, Đỗ Thị Ngọc Hiền, Đào Ngọc Lộc, Trần Hương Quỳnh, Nguyễn Quốc Tuấn.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	Kết nối tri thức với cuộc sống

(Danh mục gồm 11 sách giáo khoa)

4. DANH MỤC SÁCH GIÁO KHOA LỚP 4 SỬ DỤNG NĂM HỌC 2025-2026

TT	Tên sách	Tên tác giả	NXB/Bộ sách
1	Tiếng Việt 4	Tập 1: Bùi Mạnh Hùng (Tổng Chủ biên), Trần Thị Hiền Lương (Chủ biên), Lê Thị Lan Anh, Đỗ Hồng Dương, Nguyễn Lê Hằng, Trịnh Cẩm Lan.	NXB GD Việt Nam/ bộ sách Kết nối tri thức với cuộc sống
		Tập 1: Bùi Mạnh Hùng (Tổng Chủ biên), Trần Thị Hiền Lương (Chủ biên), Vũ Thị Thanh Hương, Vũ Thị Lan, Trần Kim Phượng, Đặng Thị Hảo Tâm.	
2	Toán 4	Hà Huy Khoái (Tổng Chủ biên), Lê Anh Vinh (Chủ biên), Nguyễn Áng, Vũ Văn Dương, Nguyễn Minh Hải, Hoàng Quế Hường, Bùi Bá Mạnh.	NXB GD Việt Nam/ bộ sách Kết nối tri thức với cuộc sống
3	Đạo đức 4	Nguyễn Thị Toan (Tổng Chủ biên), Trần Thành Nam (Chủ biên), Nguyễn Thị Hoàng Anh, Nguyễn Ngọc Dung.	NXB GD Việt Nam/ bộ sách Kết nối tri thức với cuộc sống
4	Lịch sử và Địa lý 4	Vũ Minh Giang (Tổng Chủ biên phần Lịch sử), Nghiêm Đình Vỳ (Tổng Chủ biên cấp Tiểu học phần Lịch sử), Nguyễn Thị Thu Thủy (Chủ biên phần Lịch sử), Đào Thị Hồng, Lê Thị Thu Hương, Đào Ngọc Hùng (Tổng Chủ biên phần Địa lý), Trần Thị Hà Giang (Chủ biên phần Địa lý), Đặng Tiên Dung, Đoàn Thị Thanh Phương.	NXB GD Việt Nam/ bộ sách Kết nối tri thức với cuộc sống
5	Khoa học 4	Vũ Văn Hùng (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên), Phan Thanh Hà (đồng Chủ biên), Nguyễn Thị Thanh Chi, Ngô Diệu Nga, Đào Thị Sen, Triệu Anh Trung.	NXB GD Việt Nam/ bộ sách Kết nối tri thức với cuộc sống
6	Tin học 4	Nguyễn Chí Công (Tổng Chủ biên), Hoàng Thị Mai (Chủ biên), Phan Anh, Nguyễn Thu Hiền, Nguyễn Bá Tuấn, Hà Đặng Cao Tùng.	NXB GD Việt Nam/ bộ sách Kết nối tri thức với cuộc sống
7	Công nghệ 4	Lê Huy Hoàng (Tổng Chủ biên), Đặng Văn Nghĩa (Chủ biên), Đồng Duy Giới, Dương Giáng Thiên Hương, Bùi Thị Thu Hương, Nguyễn Bích Thảo.	NXB GD Việt Nam/ bộ sách Kết nối tri thức với cuộc sống

TT	Tên sách	Tên tác giả	NXB/Bộ sách
8	Giáo dục Thể chất 4	Nguyễn Duy Quyết (Tổng Chủ biên), Nguyễn Hồng Dương (Chủ biên), Đỗ Mạnh Hưng, Vũ Văn Thịnh, Vũ Thị Hồng Thu, Vũ Thị Thư, Phạm Mai Vương.	NXB GD Việt Nam/ bộ sách Kết nối tri thức với cuộc sống
9	Âm nhạc 4	Đỗ Thị Minh Chính (Tổng Chủ biên), Nguyễn Thị Thanh Bình (Chủ biên), Mai Linh Chi, Nguyễn Thị Phương Mai, Nguyễn Thị Nga.	NXB GD Việt Nam/ bộ sách Kết nối tri thức với cuộc sống
10	Mĩ thuật 4	Đinh Gia Lê (Tổng Chủ biên), Trần Thị Biền, Đoàn Thị Mỹ Hương (đồng Chủ biên), Phạm Duy Anh, Trần Thị Thu Trang.	NXB GD Việt Nam/ bộ sách Kết nối tri thức với cuộc sống
11	Hoạt động trải nghiệm 4	Lưu Thu Thủy (Tổng Chủ biên), Nguyễn Thụy Anh (Chủ biên), Nguyễn Thanh Bình, Bùi Thị Hương Liên, Trần Thị Tố Oanh.	NXB GD Việt Nam/ bộ sách Kết nối tri thức với cuộc sống
12	Tiếng Anh 4 (GlobalSuccess)	Tập 1: Hoàng Văn Vân (Tổng Chủ biên), Nguyễn Quốc Tuấn (Chủ biên), Phan Hà, Đỗ Thị Ngọc Hiền, Đào Ngọc Lộc, Trần Hương Quỳnh, Nguyễn Minh Tuấn.	NXB GD Việt Nam/ bộ sách Kết nối tri thức với cuộc sống
		Tập 2: Hoàng Văn Vân (Tổng Chủ biên), Nguyễn Quốc Tuấn (Chủ biên), Phan Hà, Đỗ Thị Ngọc Hiền, Đào Ngọc Lộc, Trần Hương Quỳnh, Nguyễn Minh Tuấn.	

(Danh mục gồm 12 sách giáo khoa)

5. DANH MỤC SÁCH GIÁO KHOA LỚP 5 SỬ DỤNG NĂM HỌC 2025-2026

T T	Tên sách (Thuộc bộ sách)	Tác giả	Nhà xuất bản (Tổ chức, cá nhân)
1	Tiếng Việt 5, Tập 1 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Bùi Mạnh Hùng (Tổng Chủ biên), Trần Thị Hiền Lương (Chủ biên), Đỗ Hồng Dương, Nguyễn Lê Hằng, Trịnh Cẩm Lan, Vũ Thị Lan, Trần Kim Phụng.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
	Tiếng Việt	Bùi Mạnh Hùng (Tổng Chủ biên), Trần Thị Hiền	

	5, Tập 2 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Lương (Chủ biên), Lê Thị Lan Anh, Đỗ Hồng Dương, Vũ Thị Thanh Hương, Nguyễn Thị Kim Oanh, Đặng Thị Hào Tâm.	
2	Toán 5 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Hà Huy Khoái (Tổng chủ biên), Lê Anh Vinh (Chủ biên), Nguyễn Áng, Vũ Văn Dương, Nguyễn Minh Hải, Hoàng Quế Hường, Bùi Bá Mạnh.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
3	Đạo Đức 5 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Nguyễn Thị Toan (Tổng chủ biên), Trần Thành Nam (Chủ biên), Nguyễn Thị Hoàng Anh, Nguyễn Ngọc Dung.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
4	Lịch sử và Địa lí 5 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Vũ Minh Giang (Tổng chủ biên xuyên suốt phần Lịch sử), Nghiêm Đình Vỳ (Tổng chủ biên cấp Tiểu học phần Lịch sử), Nguyễn Thị Thu Thủy (Chủ biên phần Lịch sử), Đào Thị Hồng, Lê Thị Thu Hương; Đào Ngọc Hùng (Tổng chủ biên phần Địa lí), Trần Thị Hà Giang (Chủ biên phần Địa lí), Đặng Tiên Dung, Dương Thị Oanh.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
5	Khoa học 5 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Vũ Văn Hùng (Tổng chủ biên kiêm Chủ biên), Phan Thanh Hà (đồng Chủ biên), Hà Thị Lan Hương, Nguyễn Thị Hồng Liên, Ngô Diệu Nga, Nguyễn Thị Thanh Phúc, Đào Thị Sen.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
6	Hoạt động trải nghiệm 5 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Lưu Thu Thủy (Tổng chủ biên), Nguyễn Thụy Anh (Chủ biên), Nguyễn Thị Thanh Bình, Bùi Thị Hương Liên, Trần Thị Tố Oanh.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
7	Tin học 5 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Nguyễn Chí Công (Tổng chủ biên), Hoàng Thị Mai (Chủ biên), Phan Anh, Nguyễn Hải Châu, Hà Đặng Cao Tùng.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
8	Công nghệ 5 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Lê Huy Hoàng (Tổng chủ biên), Đặng Văn Nghĩa (Chủ biên), Dương Giáng Thiên Hương, Nguyễn Bích Thảo, Vũ Thị Ngọc Thúy, Nguyễn Thanh Trinh.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
	Giáo dục	Nguyễn Duy Quyết (Tổng chủ biên), Đỗ Mạnh	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam

	thể chất 5 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Hưng (Chủ biên), Vũ Văn Thịnh, Vũ Thị Hồng Thu, Vũ Thị Thư, Phạm Mai Vương.	dục Việt Nam
1 0	Âm nhạc 5 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Đỗ Thị Minh Chính (Tổng chủ biên), Nguyễn Thị Thanh Bình (Chủ biên), Mai Linh Chi, Nguyễn Thị Phương Mai, Nguyễn Thị Nga.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
1 1	Mỹ thuật 5 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Đinh Gia Lê (Tổng chủ biên), Trần Thị Biền, Đoàn Thị Mỹ Hương (đồng Chủ biên), Phạm Duy Anh, Trần Thị Thu Trang.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
1 2	Tiếng Anh 5 (Global Success)	Hoàng Văn Vân (Tổng chủ biên), Trần Hương Quỳnh (Chủ biên), Phan Hà, Đỗ Thị Ngọc Hiền, Đào Ngọc Lộc, Nguyễn Minh Tuấn, Nguyễn Quốc Tuấn.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam

Danh mục gồm 12 sách giáo khoa./.

IV. Kiểm định chất lượng giáo dục và trường chuẩn quốc gia

1. Kết quả tự đánh hằng năm đạt: Cấp độ 3.

1.1. Đánh giá tiêu chí Mức 1, 2 và 3

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Kết quả			
	Không đạt	Đạt		
		Mức 1	Mức 2	Mức 3
<i>Tiêu chuẩn 1</i>				
Tiêu chí 1.1		x	x	x
Tiêu chí 1.2		x	x	---
Tiêu chí 1.3		x	x	x
Tiêu chí 1.4		x	x	x
Tiêu chí 1.5		x	x	---
Tiêu chí 1.6		x	x	x
Tiêu chí 1.7		x	x	---
Tiêu chí 1.8		x	x	---
Tiêu chí 1.9		x	x	---
Tiêu chí 1.10		x	x	---
<i>Tiêu chuẩn 2</i>				
Tiêu chí 2.1		x	x	x
Tiêu chí 2.2		x	x	x
Tiêu chí 2.3		x	x	x

Tiêu chí 2.4		x	x	x
<i>Tiêu chuẩn 3</i>				
Tiêu chí 3.1		x	x	x
Tiêu chí 3.2		x	x	x
Tiêu chí 3.3		x	x	x
Tiêu chí 3.4		x	x	---
Tiêu chí 3.5		x	x	x
Tiêu chí 3.6		x	x	x
<i>Tiêu chuẩn 4</i>				
Tiêu chí 4.1		x	x	x
Tiêu chí 4.2		x	x	x
<i>Tiêu chuẩn 5</i>				
Tiêu chí 5.1		x	x	---
Tiêu chí 5.2		x	x	x
Tiêu chí 5.3		x	x	x
Tiêu chí 5.4		x	x	x
Tiêu chí 5.5		x	x	x

1.2. Đánh giá tiêu chí Mức 4

Tiêu chí	Kết quả		Ghi chú
	Không đạt	Đạt	
Tiêu chí 1	x		
Tiêu chí 2	x		
Tiêu chí 3	x		
Tiêu chí 4	x		
Tiêu chí 5	x		

Kết quả: Đạt mức 3

2. Kết quả đánh giá ngoài và công nhận đạt kiểm định chất lượng giáo dục:

- Nhà trường được công nhận và cấp Bằng công nhận trường học đạt chuẩn quốc gia mức độ 2 tại Quyết định số 327/QĐ-UBND ngày 14 tháng 2 năm 2025 của UBND tỉnh Nam Định.
- Trường được công nhận và cấp Bằng công nhận trường đạt chuẩn Xanh-Sạch-Đẹp-An toàn tại Quyết định số 72/QĐ-SGDĐT ngày 14 tháng 2 năm 2025 của Sở GD&ĐT tỉnh Nam Định.

V. Kết quả hoạt động giáo dục:

- Kết quả giáo dục: Tổng hợp kết quả đánh giá kết quả giáo dục

Đánh giá	Năm học 2024-2025
----------	----------------------

KQGD	Lớp 1	Lớp 2	Lớp 3	Lớp 4	Lớp 5
Hoàn thành xuất sắc	31	32	41	34	25
Hoàn thành tốt	23	16	14	19	32
Hoàn thành	42	35 ^{+ 2}	34 ^{+ 3}	40 ^{+ 4}	37 ^{+ 2}
Chưa hoàn thành	1	0	1	0	0 ^{+ 1}
Tổng	97	83 ^{+ 2}	90 ^{+ 3}	93 ^{+ 4}	94 ^{+ 3}

Tổng hợp kết quả đánh giá năng lực phẩm chất

Năm học	Lớp	Mức đạt được	Phẩm chất chủ yếu					Năng lực cốt lõi									
			Yêu nước	Nhân ái	Chăm chỉ	Trung thực	Trách nhiệm	Năng lực chung			Năng lực đặc thù						
								Tự chủ và tự học	Giao tiếp, hợp tác	GQVĐ và sáng tạo	Ngôn ngữ	Tinh toán	Khoa học	Thẩm mỹ	Thể chất	Tin học	Công nghệ
		Đạt	1	3	27	21	22	33	32	39	29	34	32	25	19	28	30
2024-2025	Lớp 1	Tốt	96	95	76	96	86	69	72	65	73	73	75	83	81		
		Đạt	1	2	21	1	11	28	25	32	23	24	22	14	16		
	Lớp 2	Tốt	67	67	65	69	66	59	61	61	65	61	66	67	65		
		Đạt	17	17	19	15	18	25	23	23	19	23	18	17	19		
	Lớp 3	Tốt	79	83	61	68	63	62	62	60	60	63	62	63	63	62	61
		Đạt	11	7	28	22	27	28	28	30	30	27	28	27	27	28	29
	Lớp 4	Tốt	85	84	73	82	76	63	69	54	64	64	68	76	65	72	71
		Đạt	8	9	20	11	17	30	24	39	29	29	25	17	28	21	22
	Lớp 5	Tốt	80	76	72	71	70	67	71	62	68	65	67	72	72	69	70
		Đạt	14	18	22	23	24	27	23	32	26	29	27	22	22	25	24

Khen thưởng:

Danh hiệu khen	Năm 2024-2025				
	Lớp 1	Lớp 2	Lớp 3	Lớp 4	Lớp 5
Học sinh Xuất sắc	32	34	41	52	25
Học sinh Tiêu biểu	23	16	14	27	32
Tổng	55	50	55	79	57

Kết quả tài chính

1. Tình hình tài chính của nhà trường trong năm học 2024-2025 có các khoản thu, chi hoạt động như sau:

1.1. Các khoản thu phân theo:

- Nguồn NSNN năm 2024: 5.008.864.000 đồng
- Nguồn phí, lệ phí: không
- Nguồn khác: 315.364.000 đ
- + Tiền nước uống cho HS: 10.000đ/HS/tháng. Tổng thu: 41.910.000đ
- + Tiền vệ sinh lớp học, nhà vệ sinh: 18.000đ/HS/tháng. Tổng thu: 75.438.000đ
- + Tiền trông giữ xe: 10.000đ/HS/tháng. Tổng thu: 12.080.000đ
- + Tiền học KNS: 4000đ/hs/tiết. Tổng thu: 185.936.000 đ

1.2. Các khoản chi phân theo:

- Chi thanh toán cá nhân: 4.470.484.428 đồng
- Chi cơ sở vật chất và dịch vụ: 291.819.372 triệu đồng
- Chi hỗ trợ cho người học: 55.080.000 đồng
- Chi khác: 56.792.200 đồng
- Chi tiền thưởng theo NĐ 73: 134.688.000 đồng
- + Chi nguồn khác: 315.364.000 đồng

2. Các khoản thu và mức thu năm học 2024-2025:

TT	Nội dung các khoản thu	Mức thu	Ghi chú
1	Tiền nước uống cho học sinh	10.000đ/HS/tháng	
2	Tiền vệ sinh lớp học, nhà vệ sinh	18.000 đ/HS/tháng	
3	Tiền trông giữ xe đạp	10.000đ/HS/tháng	Đối với những HS đi xe đạp
4	Tiền dạy học kỹ năng sống	4.000đ/HS/tiết	

+ Các khoản thu hộ, chi hộ

Thu hộ mua BHYT năm 2024- 2025 cho học sinh

Đối với HS lớp 1:

- Mức 15 tháng (Học sinh sinh từ 1/1/2018 đến 30/9/2018) thu 1.105.650 đ
- Mức 14 tháng (Học sinh sinh từ 1/10/2018 đến 31/10/2018) thu 1.031.940 đ

- Mức 13 tháng (Học sinh sinh từ 1/11/2018 đến 30/11/2018) thu 958.230 đ
- Mức 12 tháng (Học sinh sinh từ 1/12/2018 đến 31/12/2018) thu 884.520 đ
- + **Đối với HS lớp 2,3,4,5: Thu 884.520 đồng**

3. Chính sách và kết quả thực hiện chính sách hàng năm và miễn, giảm học phí và học bổng đối với người học:

- Chế độ hỗ trợ chi phí học tập:
- + Năm học 2024-2025: 12 HS x 9 tháng x 150.000đ/tháng = 16.200.000đ
- Chế độ học bổng học đối với học sinh khuyết tật :
- + Năm học 2024-2025: 2 HS x 9 tháng x 1.872.000đ = 33.696.000đ
- 4. Số dư các quỹ theo quy định, kể cả đặc thù (nếu có): Không
- 5. Các nội dung công khai tài chính khác thực hiện theo quy định hiện hành.

VII. KẾ HOẠCH THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM

Tổ chức triển khai nhiệm vụ năm học 2025-2026 bảo đảm an toàn trường học và chủ động, linh hoạt thực hiện kế hoạch. Thực hiện chủ đề năm học “Kỷ cương - Sáng tạo - Đột phá - Phát triển”:

1. Tiếp tục triển khai các cuộc vận động và phong trào thi đua

***Chỉ tiêu:** 100% cán bộ, giáo viên nhà trường đều nắm vững và thực hiện tốt các nội dung, các yêu cầu của các cuộc vận động.

2. Thực hiện chương trình giáo dục

2.1. Công tác an toàn trường học

*** Mục tiêu:** Đảm bảo an toàn trường học; Chủ động trong công tác phòng chống tai nạn thương tích.

2.2. Thực hiện chương trình giáo dục, kế hoạch giáo dục

*** Mục tiêu:**

- Chủ động xây dựng các kế hoạch giáo dục, kế hoạch môn học, kế hoạch bài dạy theo Công văn số 2345 của Bộ GDĐT.

- Học sinh được học các môn học bắt buộc, các môn học tự chọn; tổ chức cho học sinh tham gia các hoạt động xã hội, hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp, câu lạc bộ: Tiếng Anh (*Hùng biện*), Em yêu Tiếng Việt (*Viết chữ Đúng và Đẹp*), Thể dục thể thao (*Cờ vua, Bóng bàn, Điền kinh: chạy 60m, bật xa tại chỗ*), Tin học, Họa Mi, Họa sĩ Nhí, MC.

- Tổ chức dạy kỹ năng sống cho HS có nhu cầu với 2 tiết/tuần.

- Dạy tiết đọc thư viện theo mô hình Room to Read .Thời lượng 4 tiết/tháng.

- Dạy tiếng Anh cho học sinh lớp 3,4,5 (4 tiết/tuần); tự chọn cho học sinh lớp 1,2 (2 tiết/tuần)

- *Khảo sát chất lượng đại trà tiếng Anh các khối* (coi chéo chấm chung); chất lượng các cuộc thi giao lưu tiếng Anh điểm kỹ năng nghe = 2.5/10 điểm,

- Tổ chức dạy học Tin học: 1 tiết/tuần cho HS lớp 3,4,5.
- Có 2 sản phẩm Stem dự thi triển lãm cấp tỉnh.

3. Đổi mới phương pháp dạy học và kiểm tra đánh giá theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực học sinh

3.1. Đổi mới phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

*** Mục tiêu:** Tiếp tục phát huy các thành tố tích cực của mô hình trường học mới, các phương pháp giáo dục tiên tiến; Tổ chức SHCM theo nghiên cứu bài học.

3.2. Đổi mới kiểm tra, đánh giá xếp loại học sinh

*** Mục tiêu:** Thực hiện đánh giá theo Thông tư số 27 của Bộ GD&ĐT; Đề kiểm tra định kỳ phù hợp với yêu cầu cần đạt, gồm các câu hỏi, bài tập được thiết kế theo 3 mức.

4. Nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện

4.1. Hình thành và phát triển năng lực, phẩm chất của học sinh

***Chỉ tiêu:** 100% HS đạt mức Tốt và Đạt

4.2. Nâng cao chất lượng các môn văn hóa

***Chỉ tiêu:**

- **Đánh giá xếp loại cuối năm:** Các môn TV, Toán, Tiếng Anh, Tin học, Công nghệ, Khoa học, Lịch sử - Địa lí: 99,5% trở lên đạt mức độ Hoàn thành và Hoàn thành tốt. Các môn học (Đạo đức, Âm nhạc, Mĩ thuật, GDTC, HĐTN): 100% học sinh đạt mức độ Hoàn thành và Hoàn thành tốt.

Các môn đánh giá bằng điểm số: 99,5% đạt mức độ Hoàn thành và Hoàn thành tốt. Các môn học đánh giá bằng nhận xét: 100% học sinh đạt mức độ Hoàn thành và Hoàn thành tốt; Học sinh lớp 5 hoàn thành chương trình tiểu học: 100%

Xếp thứ 1-20/toàn tỉnh, XT 1-2/cụm chuyên môn số 8, XT 1/các trường trong xã¹

Điểm kiểm tra cuối kì 1, cuối năm học đánh giá bằng điểm số (98-100%) đạt từ trung bình trở lên, trong đó có ít nhất 25% đạt điểm 9-10, 40% đạt điểm 7-8.

- **Chất lượng các cuộc giao lưu (bắt buộc):**

Số giải Hùng biện Tiếng Anh:

Khối	Cấp xã					Cấp tỉnh				
	TS dự thi	Nhất	Nhì	Ba	KK	TS dự thi	Nhất	Nhì	Ba	KK
V	4	1	1	1	0	1	1			
IV	4	1	1	1	1	1		1		

Thi TDDT cấp xã, cụm, tỉnh: xếp từ thứ 1 đến thứ 10. Cần có bồi dưỡng tạo

nguồn năm tiếp theo.

Thi HS có năng lực Tin học (trực tuyến): có 6 giải 1 Nhất, 2 nhì, 3 Ba.

- **Nâng cao chất lượng phong trào rèn phát âm, viết chữ đúng và đẹp:**

- 417/491 HS học sinh xếp loại A đạt tỉ lệ 84,9%, 74/491 HS xếp loại B đạt tỉ lệ 15,1% về vở sạch chữ đẹp.

- 417/491 HS phát âm đúng đạt tỉ lệ 84,9%.

- **Giao lưu Chữ viết Đúng và Đẹp cấp xã, tỉnh:**

Khối	Số giải cấp xã	Số giải tỉnh
1	6 giải trong đó Xuất sắc : 2, Nhất : 4 (cấp trường)	
2	6 giải trong đó Xuất sắc : 2, Nhất : 4	2 HS dự thi 1 Nhất, 1 Nhì
3	6 giải trong đó Xuất sắc : 2, Nhất : 4	3 HS dự thi 2 Nhất, 1 Nhì
4	4 giải trong đó Xuất sắc : 2, Nhất : 2	2 HS dự thi 1 Nhất
5	6 giải trong đó Xuất sắc : 2, Nhất : 4	2 HS dự thi 2 Nhất

- **Học sinh yếu :** Cuối năm không có HS yếu.

5. Tổ chức các hoạt động ngoài giờ lên lớp, hoạt động trải nghiệm, hoạt động Đội thiếu niên- Sao nhi đồng

***Chỉ tiêu:** Chỉ đạo toàn diện có hiệu quả, có chất lượng hoạt động giáo dục để học sinh thấy rằng mỗi ngày học sinh đến trường là một ngày vui, góp phần quan trọng vào việc thực hiện mục tiêu giáo dục toàn diện nhà trường.

6. Xây dựng văn hóa đọc trong nhà trường

***Chỉ tiêu:** Xây dựng thành công mô hình thư viện thân thiện Room to Read; 100% HS và GV tham gia đọc sách có hiệu quả.

7. Công tác nâng cao chất lượng PCGDTH và xây dựng trường tiểu học đạt chuẩn quốc gia

7.1. Công tác nâng cao chất lượng PCGDTH

***Chỉ tiêu:** Phần đầu phổ cập giáo dục tiểu học đạt mức 3.

7.2. Xây dựng cơ sở vật chất, phát huy thế mạnh trường tiểu học đạt Chuẩn quốc gia mức độ II và trường đạt chuẩn Xanh - sạch - đẹp - an toàn

***Chỉ tiêu:** Tiếp tục phát huy hiệu quả trường chuẩn quốc gia, chuẩn “Xanh-Sạch-Đẹp-An toàn-Thân thiện.

8.Tăng cường ứng dụng CNTT và chuyển đổi số trong quản lý và dạy học

***Chỉ tiêu:** 100% CBQL, GV tích cực tự học để nâng cao trình độ sử dụng CNTT. GV làm chủ công nghệ và thiết bị dạy học trên lớp. Sử dụng và khai thác có hiệu quả các phần mềm hỗ trợ quản lý, giảng dạy.

9. Công tác xây dựng đội ngũ

***Chỉ tiêu:**

- 100% số giáo viên có phẩm chất tư tưởng đạo đức nhà giáo và vững vàng

về chuyên môn nghiệp vụ; thực hiện nghiêm túc những quy định về an toàn giao thông và chính sách dân số.

Có 2 sản phẩm Stem đạt giải trong triển lãm Stem cấp tỉnh.

Có ít nhất 3 giáo viên tiêu biểu tham dự Hội thi giáo viên chủ nhiệm giỏi cấp cụm, có 1 giáo viên tiêu biểu tham dự Hội thi giáo viên chủ nhiệm giỏi cấp tỉnh.

8-10 giải kì thi Thiết bị dạy học số cấp tỉnh:

Tham gia đầy đủ các cuộc thi TDTT cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên trường học.

Tiếp tục đẩy mạnh và nâng cao chất lượng viết SKKN, có từ 6 đến 8 SKKN đạt giải cấp xã; có từ 3 đến 4 SKKN đạt giải cấp tỉnh.

Tham gia giải Búa liềm Vàng năm 2025.

Cử 4 quần chúng học lớp đối tượng Đảng, kết nạp 2-4 quần chúng vào Đảng.

Phát huy năng lực đội ngũ CBQL và GV cơ sở GDPT cốt cán.

10. Đổi mới công tác quản lý

10.1. Đổi mới công tác quản trị trường học

***Chỉ tiêu:** Cán bộ quản lý tự bồi dưỡng và tham gia các lớp tập huấn nâng cao năng lực quản lý đáp ứng yêu cầu Chương trình GDPT. Đánh giá nghiêm túc, trung thực việc thực hiện nhiệm vụ.

10.2. Đổi mới quản lý chuyên môn

***Mục tiêu:** Đổi mới công tác chỉ đạo dạy học bảo đảm:

- 100% GV dạy học theo chuẩn kiến thức, kỹ năng của chương trình và đổi mới phương pháp dạy học theo hướng dạy học phân hóa và dạy học tích hợp.

- 100% GV đổi mới kiểm tra, đánh giá kết quả học tập và rèn luyện của học sinh theo hướng phát triển năng lực người học (*tất cả HS phải đạt chuẩn điểm 5-6 từ đó nâng chuẩn lên điểm 7-8, điểm 9-10*)

- 100% GV thực hiện nghiêm túc nội quy, quy chế chuyên môn

- Ban thanh tra tổ chức kiểm tra đột xuất về thực hiện quy chế chuyên môn của giáo viên.

10.3. Xây dựng nề nếp quản lý

***Mục tiêu:** Ban giám hiệu xây dựng một bộ kế hoạch đồng bộ, khoa học mang tính khả thi. Thực hiện quản lý và chỉ đạo bằng kế hoạch và thông qua kế hoạch.

10.4. Công tác cải cách hành chính

***Mục tiêu:** 100% các thủ tục hành chính trên cổng dịch vụ công quốc gia ở mức độ 3 và 4; công tác thông tin, báo cáo đầy đủ, kịp thời, chính xác

10.5. Công tác kiểm tra

***Chỉ tiêu:** Kiểm tra toàn diện và chuyên đề 100% giáo viên nhà trường; 100% GV có hồ sơ đầy đủ, cập nhật, chính xác.

10.6. Công tác kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục

***Mục tiêu:** Tiếp tục lưu trữ, thu thập minh chứng, hoàn thành báo cáo tự đánh giá theo tiêu chí trường Chuẩn quốc gia quốc gia mức độ 2; trường Xanh - Sạch - Đẹp - An toàn và Thư viện đạt chuẩn mức độ 2.

10.7. Công tác tài chính; triển khai dịch vụ thanh toán trực tuyến không dùng tiền mặt

***Mục tiêu:** Thực hiện tốt *Quy chế dân chủ, Quy chế chi tiêu nội bộ*, các quy định về tài chính. Triển khai các khoản thu dịch vụ giáo dục qua ngân hàng bằng các hình thức phù hợp.

10.8. Công tác Thi đua-Khen thưởng

***Chỉ tiêu:**

Cán bộ, giáo viên đăng kí các danh hiệu thi đua từ đầu năm học và có kế hoạch phân đấu cụ thể.

Nhà trường: Tập thể Lao động Xuất sắc

Liên đội: Tỉnh đoàn tặng Bằng khen

Cá nhân: Chiến sĩ thi đua: 4; SGD- ĐT khen: 1-2; UBND xã: 4-6; Lao động tiên tiến: 21-22

11. Tiếp tục đẩy mạnh xã hội hoá giáo dục

***Mục tiêu:**

- Tích cực đẩy mạnh công tác tham mưu, tuyên truyền để tăng cường huy động các nguồn lực phát triển giáo dục; xây dựng mối quan hệ giữa nhà trường, gia đình và xã hội trong việc tổ chức các hoạt động dạy học và giáo dục học sinh.

- Thực hiện đúng Thông tư số 16/2018/TT-BGDĐT ngày 03/08/2018 của Bộ GDĐT quy định về tài trợ cho các cơ sở giáo dục; Thông tư 55/2011/TT-BGDĐT ngày 22/11/2011 về hoạt động của Ban đại diện hội cha mẹ học sinh.

- Thực hiện tốt nội dung liên kết giữa nhà trường với chi hội khuyến học của tổ dân phố để nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện.

- Vận động 100% HS tham gia bảo hiểm y tế.

12. Đẩy mạnh công tác truyền thông trong giáo dục

HIỆU TRƯỞNG



Đỗ Hồng Duy